

# Mộ hợp chất Chợ Lách (Bến Tre)

- Phạm Đức Mạnh
- Nguyễn Chiến Thắng

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

## TÓM TẮT:

Cuối tháng 4 đến đầu tháng 5 năm 2014, Bộ môn Khảo cổ học (Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) và Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre đã tiến hành khai quật di tích mộ hợp chất ở thị trấn Chợ Lách (huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre). Kết quả chính như sau: Các nhà khảo cổ phát hiện được 2 kiến trúc nổi trên nền móng gạch thiết kế kiểu cấu trúc lạng tằm, trong đó: Kiến trúc nhà lớn nằm theo hướng Nam lệch Đông 3°, bao gồm nhà bia và nhà mồ có kích thước chiều ngang 300cm, chiều dọc 240cm, cao 185-205cm thiết kế dành cho chôn cất hai người trưởng thành (thông thường là một cặp vợ chồng thường thấy ở mộ đôi Nam Bộ). Hai huyệt mộ hình chữ nhật do chỉ có vách đất, bị ngập nước từ độ sâu 70-275cm nên quan tài bị phân hủy, chỉ còn chứa mảnh sọ người trưởng thành, 5 viên bi đồng tròn và dấu vết thực vật quý (như xơ dừa, quả dừa nước, vỏ cây bần, cọng lá cây ráng, nhiều mảnh gốm sứ...). Kiến trúc nhà nhỏ có hình dáng tương tự nhà bia và nhà mồ nằm hướng Tây chỉ cách mộ lớn 110cm, có kích thước dài 140cm, rộng 65cm và cao

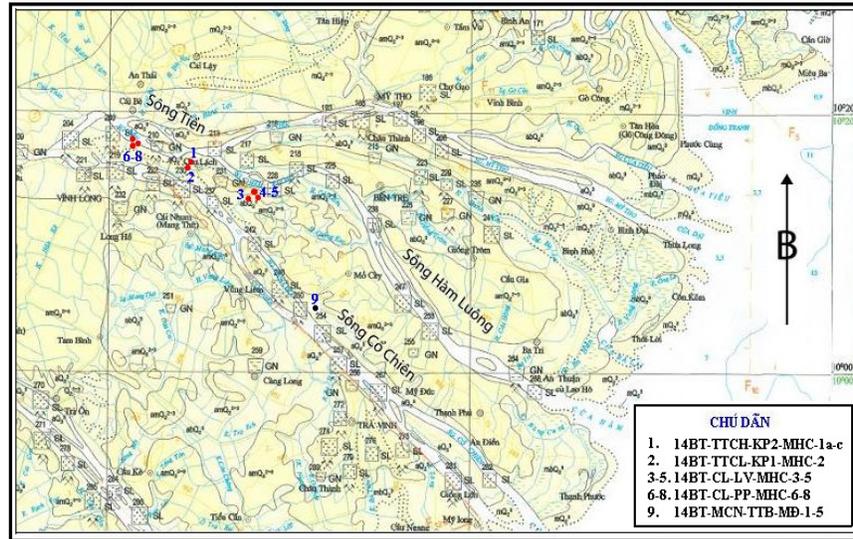
95cm. Huyệt mộ hình chữ nhật với kích thước dài 130cm, rộng 60cm, sâu 70cm, không bị ngập nước nên còn giữ nguyên quan tài gỗ có gắn đinh sắt. Di cốt trẻ em nằm ngửa, chân tay thẳng, còn 2 cúc áo bằng đồng thau. Đó là em bé tuổi khoảng 2-4 tuổi, chiều cao 100-110cm. Từ kết quả phân tích nhân cốt, hiện vật chôn theo, nghiên cứu so sánh kiến trúc, các tác giả phát biểu rằng: Mộ cổ Chợ Lách thuộc kiểu nhà bia và nhà mồ dành cho quý tộc Việt Nam thời Nguyễn ở Nam Bộ trong 2 thế kỷ 18-19 với các cấu trúc vật liệu xây dựng, nền móng gạch, các khung bia, quan tài gỗ với khoen sắt, nút áo hình cầu, đồ đựng bằng gốm sứ v.v... Mộ cổ Chợ Lách có các đặc điểm riêng lần đầu phát hiện ở Việt Nam như: 5 viên bi đồng, các dấu tích thực vật như xơ quả dừa, trái dừa nước, vỏ cây bần, cọng lá cây ráng v.v... Đặc biệt nhất là lần đầu tiên ở Nam Bộ và Việt Nam các nhà khảo cổ tìm thấy 2 mộ quý tộc nằm sát cạnh nhau có thể cùng chung một gia đình, trong đó: mộ lớn dành chôn cha mẹ và mộ nhỏ dành chôn người con chết non (chỉ 2-4 tuổi) nhưng vẫn xây riêng nhà mồ uy nghiêm từ thời Trung đại và Cận đại.

**Từ khóa:** mộ hợp chất Chợ Lách Bến Tre, mộ cổ Chợ Lách.

1. Vị trí địa lý & hiện trường di tích

Di tích mộ hợp chất Chợ Lách (14BT-CL-MHC-1) có tọa độ: N10°15'38.7'' – E 106°07'07.9'' nằm kế bên Quốc Lộ 57 và kênh Chợ Lách, hiện thuộc quy hoạch xây dựng khu

thương mại dịch vụ huyện Chợ Lách, cách trung tâm thành phố Bến Tre khoảng 28km về phía Đông. Mặt tiền của ngôi mộ hướng Nam (lệch Đông 3°).



H1. BẢN ĐỒ PHÂN BỐ MỘ HỢP CHẤT HUYỆN CHỢ LÁCH (BẾN TRE) NĂM 2014  
(Nền: Bản đồ Địa chất Kỹ Thuật vùng Nam Bộ - Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam, 2003)

Nhìn trên bình đồ Nam Bộ, toàn vùng Chợ Lách chứa di tích nằm trọn trong “phần tay quạt” cực tây bắc Cù lao Minh của cả “chiếc quạt khổng lồ Ba Giồng Bến Tre” – nơi Sông Tiền phân nhánh với Hàm Luông (dài khoảng 70km) giáp Cái Bè - Cai Lậy (Tiền Giang) phía bắc và Cổ Chiên (dài khoảng 80km) giáp Vũng Liêm (Vĩnh Long) phía nam, cùng mạng lưới kênh rạch chằng chịt (Cái Cắm, Cái Môn, Cái Hang, Giồng Keo, Mang Thít, Lách, Xáng, Vĩnh Thành, Thông Lưu...) hiện phủ kín bình địa 188,8km<sup>2</sup>, với 129.600 cư dân, mật độ trung bình 686 người/km<sup>2</sup>. Đây là vùng đất khá bằng phẳng (cao độ 3-3,5m/mức biển), chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nền nhiệt cao (trung bình năm 26-27°C), có lượng mưa trung bình 1.210-1.240mm, độ ẩm dao động 73-80%

(mùa khô: tháng 12 - tháng 4) đến 83-90% (mùa mưa: tháng 5 - tháng 11). Lịch sử hình thành vùng Chợ Lách gắn liền với lịch sử địa chất đồng bằng Cửu Long, với sự thành tạo các cồn sông lớn lộ trên mực nước biển từ thời Thượng Holocen thuộc Kỷ Đệ Tứ vào khoảng 3000-2500 năm về trước, với nền thổ nhưỡng phù sa lần biển của “Tứ Giang” (Tiền Giang, Hàm Luông, Cổ Chiên, Ba Lai) phủ chồng lên các trầm tích biển (mQIV<sup>2-32</sup>), đan xen hỗn hợp giữa các trầm tích sông (aQII<sup>3</sup>: cuội, sỏi, cát, bột, sét dày 0,5-17m), trầm tích sông - biển (amQII<sup>3</sup>: sét, bột, cát dày 1-6m) và trầm tích sông - đầm lầy (abQII<sup>3</sup>: cát, bột, sét, di tích thực vật, than bùn, dày 2-4m), phổ biến nguồn cát san lấp (SL) và nguyên liệu sét làm gạch ngói (GN) (Liên đoàn bản đồ Địa chất miền Nam, 2003). Chính trên nền thổ nhưỡng đất

phù sa được bồi và phù sa loang lổ có glây của đất cồn và lòng sông cổ với thành phần cơ giới chủ yếu là sét (50-60%, trong đó nhiều nhất là khoáng sét kaolinite (60-65%) và Illite (15-35%), nguồn nước ngọt phong phú dung dưỡng thảm thực vật thân gỗ (cà na, chiếc, gáo, trâm bầu, bằng lăng nước...), các quần thể bản chua, dừa nước, cỏ và cây bụi (lau sậy, dây lòng, chuối nước, nghệ, lục bình, tâm bực, môn nước...) và, kể từ khi miền đất này đón nhận lưu dân Việt và cả “Việt gốc Hoa” từ vài thế kỷ nay, Chợ Lách và Bến Tre dần nổi danh không chỉ về lượng và phẩm của gạo tẻ và gạo nếp ghi trong “Đại Nam nhất thống chí” [16], “Gia Định thành thông chí” [18], “Phủ Biên tạp lục” [5], mà còn cả cây ăn trái (chôm chôm, cam, quít, chanh, bưởi, măng cầu, đu đủ, ổi, cóc, chuối, thom...) (H1).

Di tích mộ hợp chất Chợ Lách được Bảo tàng Bến Tre và Bộ môn Khảo cổ học (Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG-HCM) phát hiện từ tháng 11/2013 [8] và sau khi có Quyết định số 838/QĐ-BVHTTDL ngày 25/3/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch, chúng tôi cùng tổ chức khai quật từ cuối tháng 4/2014<sup>1</sup>.

## 2. Kết quả khai quật

Trước khi khai quật, di tích chỉ có mái nhà mồ hợp chất trần giữ diện tích 7,75m<sup>2</sup> (ngang 3,1m x dọc 2,5m), kiến trúc bên dưới nhà bị lấp đầy cát để tôn nền xây dựng theo quy hoạch mới. Chúng tôi căng hồ 10 x 10m = 100m<sup>2</sup> bao quanh kiến trúc nổi, tiến hành đào từng lớp để làm rõ nhà mồ trên nền nguyên thủy; rồi sử dụng máy cạp Sumitomo và cần cầu tải trọng 5-20 tấn để di chuyển mui luyen sử lý kim tính.

<sup>1</sup> Đoàn khai quật gồm: PGS.TS Phạm Đức Mạnh (Trưởng đoàn), Nguyễn Chiến Thắng, Quảng Văn Sơn, sinh viên KCH (Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG-HCM), Huỳnh Anh Tú, ThS Lê Thị Kim Ngọc, Cao Thị Hải Vân (Sở VH-TT & Du lịch Bến Tre).

## 2.1. Kiến trúc nổi & cột địa tầng

Kiến trúc nổi toàn bộ quần thể hiện rõ bao gồm 2 ngôi mộ: mộ lớn song táng (14BT-TTCL-MHC-1a-b) và mộ nhỏ đơn táng (14BT-TTCL-MHC-1c) nằm hướng vuông góc vào thân bên trái của mộ lớn (H2).



H2. KIẾN TRÚC DƯƠNG PHẦN CỦA DI SÀN MỘ CỔ CHỢ LÁCH

**A. Mộ lớn (14BT-TTCL-MHC-1a-b):** Ngôi mộ lớn kiến thiết dành song táng với kiểu kiến trúc nhà dân gian truyền thống chữ “nhị” (二) gồm 3 gian:

**Nhà bia (Tiền đường):** đúc thuần hợp chất nguyên khối (quy mô: dài 300cm, rộng 70cm, cao 185cm) theo thiết kế kiến trúc 2 mái ngói ống âm dương tiêu đại (phần mái cao 60cm) trước và sau. Đường bờ nóc (dài 300cm) chạy dài từ hai đầu hồi, phần phía trước đường bờ nóc trang trí đắp nổi hình hoa lá bằng cách đắp miềng chén bát sứ màu. Một phần của đầu hồi và các đường ngói ống và các họa tiết trang trí bị bong tróc, hư hại nặng. Phần trước của nhà bia được thiết kế giả 4 trụ cột, phần trên đầu mỗi trụ cột cũng thiết kế cách điệu các kèo “ghé bầy” với phần “bầy” trang trí hình chim phụng. Các cột này phân chia nhà bia thành 3 gian đều nhau (cao 80cm, rộng 72cm), trong đó hai gian hai bên được sử dụng làm nhà bia, gian giữa tạo thiết kế dạng cửa chữ nhật “thượng song hạ bản” cách điệu. Gắn liền với hai cột ngoài là hai trụ vuông, phần chính

giữa được tạo khung trang trí (cao 55cm, rộng 18cm). Hai gian nhà bia hai bên được thiết kế âm dần vào trong 74cm, với hai bàn thờ bia. Bàn thờ bia được thiết kế giống một bàn hương án với phần ban thờ kiểu đế chân quỳ, trang trí xung quanh là các bao lam, phía trên là khung băng hoành phi. Bia hình chữ nhật (15 x 30cm) phần trán khum tròn có dạng bài vị. Mặt bia nhẵn, các chi tiết chữ viết hoặc khắc trên bia không còn. Hiện tại, từ chân đến mái, kiến trúc nhà bia được đúc theo lối đồ mè thuận hợp chất với mặt ngoài thấm nước, nứt nẻ theo chiều ngang hiện rõ các đường tiếp xúc của các mè hợp chất chồng lên nhau, chạy dài sang cả phần nhà mồ phía sau. Ở đôi chỗ mặt tiền trên tường và bờ nóc còn gắn nguyên các mảnh sành sứ trắng men màu xanh với các sắc độ khác nhau.

**Nhà mồ (Chánh tâm):** cũng xây nguyên khối hợp chất nối liền với nhà bia, (quy mô: dài 170cm, rộng 300cm, cao 205cm) thiết kế kiểu kiến trúc nhà 4 mái lợp ngói ống âm dương tiểu đại chạy dọc xung quanh với đầu hồi uốn cong. Các đường ngói ống âm dương chạy dài đa phần bị bong tróc. Khác với phần mái của nhà bia, mái phần chánh tâm ngắn hơn, đường bờ nóc dài 240cm nằm giữa chia đều các đường ngói ống ra xung quanh 4 phía; mái cao toàn bộ 105cm, tỷ lệ mái và phần thân của công trình tương đối đều nhau tạo cho công trình kiểu dáng thấp nhưng uy nghi. Mặt bằng mái này thường thấy tại các kiến trúc Đình thờ Thần Hoàng tại các làng của người Việt tại Nam Bộ. Đây là kiểu kiến trúc nhà tứ trụ kiểu “trông rường” – Nhà Rường, được mở rộng ra hai bên chái nhờ các “kèo quyết” và “kèo đấm”. Trên đường bờ nóc ở phần mái, hai bên trang trí đắp nổi hình tượng hai “con cù” – một dạng cách điệu của hình tượng “xi vĩ, xi vĩn” với ước vọng chống hòa cho ngôi nhà, mặt trước phần bờ nóc khoét lõm tròn sâu (đường kính 8cm, sâu 5cm) vừa với kích thước của một chiếc

đĩa nhỏ hay chiếc chén ăn cơm, đây là kiểu trang trí tạo “điểm nhấn” cho ngôi nhà theo phong cách khảm sành sứ màu đặc trưng nghệ thuật Nguyễn. Phần thân chánh tâm, chính giữa hai bên Đông và Tây được tạo trang trí phần khung cửa sổ tròn với các chấn song cửa chạy dọc. Phần sau ngôi nhà thiết kế 4 trụ cột tương tự như phần phía trước tạo thiết kế thành 3 gian, gian giữa thiết kế cách điệu “cửa hậu” theo dạng cửa “*thượng song hạ bản*” hai gian hai bên khép kín với trang trí khuôn vuông trang trí (70 x 80cm) (H3).



H3. MỘ LỚN SÔNG TÀNG (14BT-TTCL-MHC-1a-b) - NHÀ BIA

**Cột địa tầng:** Kiến trúc dạng Lãng (nhà bia và chánh tâm) được xây trên nền đất phù sa còn sông pha cát mịn xám-vàng sáng. Người thợ xưa sau khi đào kim tinh huyết đất, hạ quan và lấp đầy đất cát, đã kiến tạo một lớp đá ong bằng phẳng dài 360cm, bằng cách xếp đều các viên hình khối vuông (cỡ 30 x 30cm, dày 10cm/viên). Trên nền đá ong này, họ tiếp tục xây 4 lớp gạch đình (30 x 15cm, dày 3,5cm/viên), kết dính bằng vữa hợp chất trắng mịn. Từ trên các lớp gạch đá ong và gạch đình này, người thợ kiến thiết nhà mồ và nhà bia theo lối đồ từng lớp hợp chất lọc kỹ và trang trí tỉ mỉ từ khung bia, biển, ô phối trí cặp đối, hương án chân quỳ, đầu hồi, cột tròn và cửa giả, gắn cần miếng sành sứ màu để hoàn công kiến trúc dương phần. Ở kiến trúc âm phần, hai kim tinh thuộc dạng huyết đất đào vuông vắn dưới lớp móng đá ong. Từ lớp đá ong này trở

xuống sinh thổ, trắc diện kim tính ngôi mộ 14BT-TTCL-MHC-1a-b từ trên xuống như sau:

+ Lớp 1: lớp cát pha mịn màu vàng cam sáng (light yellow orange) (màu chuẩn: Hue 7.5 YR, value: 8/4), dày trung bình 20cm. Trong hố, ở xung quanh kiến trúc đôi chỗ còn vết nền đỏ hợp chất có độ dày trung bình 10-20cm.

+ Lớp 2: lớp đất phù sa màu nâu vàng đậm (dull yellowish brown) (Hue 10 YR, 5/3), dày trung bình 90-100cm. Trong lớp này, từ độ sâu 70cm (tính từ đáy lớp móng đá ong sát mặt nền nguyên thủy) là gập mực nước đục xanh lợt giống màu nước rạch Chợ Lách. Ở đôi chỗ còn lẫn vỏ đạn và quân trang; gạch ngói của kiến trúc Pháp cũ, cùng một số mảnh đất nung, gốm sứ trắng men bản địa, gốm hoa lam nhập khẩu.

+ Lớp 3: Lớp đất sét màu nâu vàng sáng (bright yellowish brown) (Hue 10 YR, 6/6), kết cấu dẻo quánh, dày 30-35cm. Trong lớp này còn lẫn vài mảnh gốm thô xương đen và gốm trắng để mộc, cùng sành trắng men, sứ men xanh trắng, các vụn than nhỏ.

+ Lớp 4: Lớp đất sét loang lổ màu nâu vàng ngả xám (grayish yellow brown) (Hue 10 YR, 6/2), kết cấu dẻo nhưng đôi chỗ bờ rời, chứa nhiều vụn vụn sét màu nâu đỏ và màu rỉ sắt, dày 10-15cm, không còn vết tích gốm cổ và than tro như lớp trên.

+ Lớp 5: Lớp sét màu xám ngả nâu (browish gray) (Hue 10 YR, 5/1), kết cấu dẻo quánh, dày trung bình 80cm. Trong lớp này, hai quan tài chứa thi hài bị phân hủy gần hết tạo thành lớp mùn đen, đôi chỗ có màu đen ngả nâu (browish black) (Hue 10 YR, 3/1), kết cấu bờ hơn, còn chứa một số ván đóng nắp thiên hình bán nguyệt, các mảnh ván thành, có cả các búi dây xơ dừa mà người xưa dùng làm vật chèn và một số tàn tích thực vật. Đặc biệt còn 1 mảnh sọ người trưởng thành kết dính chặt với 5 viên đồng hình cầu cỡ nhỏ. Đáy nền huyết đất chôn sâu (sâu 275cm so với móng đá ong bên trên kiến trúc mộ).

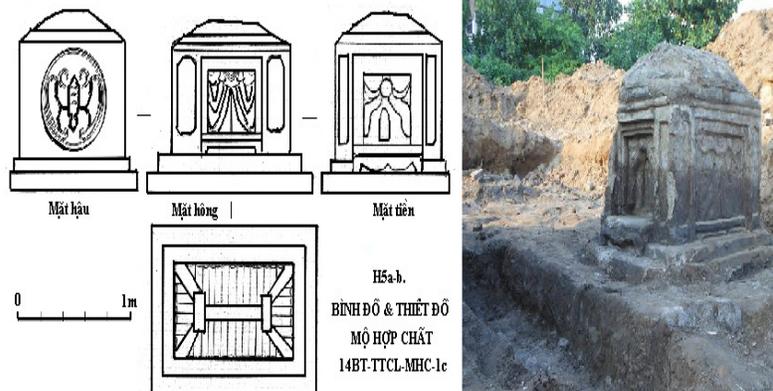
+ Lớp 6: Lớp đất sinh thổ là sét xám xanh lẫn sỏi sạn laterite (H4).



H4. ĐỊA TẦNG KHU MỘ HỢP CHẤT CHỢ LÁCH - BẾN TRE (14BT-TTCL-MHC-1a-c)

**B. Mộ nhỏ (14BT-TTCL-MHC-1c):** Ngôi mộ được thiết kế giống dạng miếu thờ nhỏ hay ngôi nhà nhỏ. Mộ có cửa hướng chính Tây, phần trước nơi có bia mộ quay vào ngôi mộ lớn, mộ nằm song song và cách mộ lớn 1,1m và nằm lùi về phía sau mộ lớn 15cm. Mộ bị đất lấp gần như toàn bộ, mũi luyệt hình khối nhà mái giả (140 x 65cm, cao 95cm). Mặt tiền thiết kế khung bia giữa (10 x 25cm) kiểu giống với bia mộ lớn với 2 khuôn chữ nhật bên (10 x 40cm), đặt trên hương án chân quỳ (40 x 30cm, cao 20cm), phần trán đắp nổi mô típ “rèm che” trong nội thất nhà Việt xưa. Hai bên hông nhà cũng kiểu phù điêu “rèm che” đắp nổi giữa hình con dơi và tô màu đen-

nâu. Mặt hậu nhà là khung cửa giả tròn (đường kính 40cm). Toàn bộ nhà mồ đặt trên nền móng hợp chất (160 x 75cm, cao 20cm). Dưới lớp nền hợp chất này, huyết mộ vách đất chữ nhật (130 x 60cm, sâu 70cm) có vành đất sét dẻo vàng đậm rộng 20cm viền quanh miệng huyết. Nền huyết đất xếp kín 2 hàng = 10 viên đá ong vuông (30 x 30 x 10cm) làm móng đỡ quan tài gỗ. Sau khi hạ quan, người xưa lấp đầy cát rồi mới đổ móng hợp chất và xây nhà mồ con (H5).



## 2.2. Quan tài, nhân cốt & hiện vật khảo cổ học

**Quan tài gỗ & đỉnh sắt:** Ngoài quan tài gỗ trong mộ lớn song táng chỉ còn tàn tích của tấm thiên (8 tiêu bản) và các bộ phận ván xê (17 tiêu bản); chiếc quan tài trong mộ đơn táng có quy mô nhỏ (96 x 26 x 10cm), gồm 3 phần: Nắp quan (tấm thiên) làm từ tấm gỗ liền xê hình bán nguyệt

đậy khít áo quan bên dưới. Áo quan hình hộp chữ nhật, ghép từ 4 tấm ván gỗ bên hông và đầu còn đính 2 đỉnh sắt (dài 4,9cm, dày 0,5cm). Tấm địa là tấm gỗ xê liền (120 x 50 x 5cm). Ở hai bên hông, sát tấm địa có gắn 4 móc sắt khoen tròn (dài 14,5cm, chốt dài 6,5cm, khoen tròn đường kính 7,5-9,5cm) và 1 móc sắt (dài 10cm) (H6).



H7a-d. 14BT-TTCL-MHC-1c: ÁO QUAN TRÊN MÓNG ĐÁ ONG



H7a-c. 14BT-TTCL-MHC-1c:



DI HÀI TRẺ 2-4 TUỔI,  
CAO 87cm, có thể QUÝ NAM



**Di cốt người:** ngoài 1 mảnh sọ người trưởng thành tìm thấy trong cụm áo quan phân hủy của di tích mộ song táng (hiện còn 8,2 x 3,7 x 0,5-0,7cm), di hài mộ nhỏ được an táng với phần đầu hướng tây có kích thước nhỏ tương ứng với áo quan và huyết đất, còn bảo tồn khá rõ phần cốt sọ, xương hàm và một ít răng hàm, một phần xương ống tay và các xương sụn tròn dẹt. Các phần di cốt bị phân hủy nhiều ở các xương hàm trên, xương đốt sống, xương sườn, hầu hết các xương ngón chân, ngón tay. Theo giám định của các bác sĩ Phan Bảo Khánh và TS Võ Văn Hải

(Bộ môn Giải phẫu học, Khoa Y, Đại học Y – Dược Tp. Hồ Chí Minh), di cốt trẻ khoảng 2-4 tuổi, cao 79,8-96,6cm, trung bình 87cm, có thể là quý Nam (H7a-c) [19].

**Nút áo đồng:** 2 nút hình cầu (0,9cm) bằng đồng thau, có nút khoen rộng 0,2cm đính vào y phục di hài mộ trẻ (H7).

**Bi đồng:** 5 tiêu bản, gắn chặt cùng bùn đất trong mảnh sọ người lớn ở mộ song táng. Bi đúc đặc hình cầu nhỏ, đường kính 0,7 – 0,8cm (H8a-b).



H8a-b.  
14BT-TTCL-MHC-1a-b: MẢNH SỢ NGƯỜI  
& 5 BI ĐỒNG RẮC QUANH SỢ

**Tàn tích thực vật:** Ngoài nhiều búi xơ dừa bị phân hủy thành mùn đen và nâu đen có thể được người xưa sử dụng làm vật chèn trong cặp áo quan ở mộ song táng, chúng tôi còn thu được các tàn tích thực vật khác gồm: 1 trái dừa nước (quy mô hiện còn gần ½ với chiều dài còn lại 8,2cm,

bề dày nguyên trái 4cm, lõi sâu 2,5cm, cùi dày 0,3-1cm); 4 cọng lá cây ráng còn phần cuống lá với các phần xương nhánh lá như xương cá (dài 5-10,5cm x dày 0,5cm); 1 vỏ cây bản (24 x 11 x 1,5cm) (H9a-e).



H9a-e. DI TÍCH THỰC VẬT TRONG MỘ SONG TÁNG (14BT-TTCL-MHC-1a-b)

**Vật liệu xây dựng:**

+ **Gạch đá ong:** 127 đá ong Biên Hòa hình khối vuông (cỡ gạch: 30 x 30 x 10cm/viên).

+ **Gạch đinh:** 436 viên gạch thẻ, kích thước trung bình 30 x 15cm, dày 3,5cm/viên, được dùng để xếp thành 4 lớp đặt trên lớp móng đá ong làm chân của nhà lợp hợp chất mộ song

táng Chợ Lách. Ngoài ra, trong hố khai quật còn 1 viên đá kê cột hình trụ vuông, 2 viên gạch đinh, 1 phiến ngói bản liên quan đến công trình kiến trúc thời Pháp thuộc muộn hơn từng thấy ở thành cổ Biên Hòa - Đồng Nai [10].

**Đồ sành và gốm tráng men:** 8 tiêu bản, với 4 mảnh chum vại cỡ lớn và 4 mảnh miệng cùng 2

mảnh đáy bằng của loại hình chậu (hoặc “diệm”) mà người Nam Bộ xưa dùng đựng nước ngọt hay chế biến thức ăn.

**Gốm mộc:** 3 tiêu bản, với 1 chiếc đĩa nguyên và 2 mảnh vỡ (1 mảnh gốm thô có vân khắc vạch kiểu răng lược và 1 mảnh đế gốm trắng mịn).

**Gốm sứ:** 54 mảnh, gồm: 40 mảnh *gốm bán địa* của chén (bát) và đĩa gốm gia dụng, xương dày 0,3-1cm, đường kính miệng 10-12cm, đế thẳng rộng 4,3-6cm, mặt ngoài thường vẽ màu xanh hay đa sắc các đường viền, hoa lá, hình trái tim, con gà, đề tài chữ Hán: “Phúc” (幅) hoặc “Thọ” (壽) kết hợp đào-mai, lan, cúc, trúc. Các tô, bát, bát chiết yêu dân dụng (đường kính miệng 11-20cm, đế rộng 4-9,5cm, cao 4,2-6,5cm) thường

trang trí men xanh lam-xanh rêu các khung hình thoi, bầu dục, gạch ngắn, hình phong ba, hoa lá, đề tài chữ Hán: “Phúc” (幅) hoặc “Thọ” (壽) kết hợp đào hay trúc; “trúc lâm thất hiền”; “long ẩn vân”, “long triều ngọc”, hay vòng tròn 5 con dơi viền quanh chữ giống “Thọ” (壽) (“ngũ phúc khánh Thọ”). khá giống các sản phẩm gốm Lái Thiêu và Biên Hòa ở miền Đông Nam Bộ. 14 mảnh *gốm sứ nhập khẩu* thuộc các loại hình tô thân bầu, bát nhỏ, đĩa các cỡ .v.v... là sản phẩm gốm sứ men xanh trắng, sứ hoa lam thuộc các lò tinh Nam Trung Hoa ở dòng gốm thương mại biển. Đó là các mảnh sứ là đồ “quan dụng” gồm bát sứ men trắng xương mỏng, vẽ màu xanh sáng hình rồng ẩn mây; đĩa (đường kính miệng 9,4-15cm, đáy rộng 6-12cm, cao 1-2,3cm) v.v...



**Bảng 1.** Thống kê di tích & di vật khảo cổ học

Di tích	Loại hình		Chất liệu	Tiêu bản	Nơi bảo quản
Vật liệu xây dựng	Đá kê cột	Vuông	Hoa cương	1	Bảo tàng tỉnh Bến Tre & Bảo tàng Lịch sử văn hóa Nam Bộ (Trường
	Ngói bản	Lớp ngói	Đất nung	1	
	Gạch đình	Cỡ lớn	Đất nung	1	
		Cỡ nhỏ	Đất nung	436	
	Gạch đá ong	Vuông	Đá ong	127	
Di vật khảo	Nhân cốt người lớn	mảnh sọ	Hữu cơ	1	
	Nhân cốt trẻ	Di hài	Hữu cơ	1	
	Quan tài lớn	Mảnh	Gỗ	2	

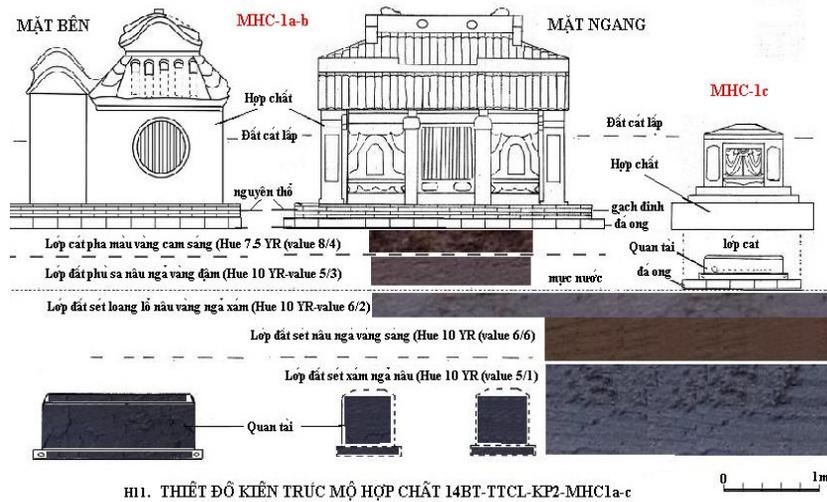
cổ học	Quan tài nhỏ	Cổ	Gỗ	1	ĐHKHXH&NV ĐHQG-HCM)
	Đỉnh gắn khoen tròn	hạ quan nhỏ	Sắt	4	
	Đỉnh thẳng	gắn quan nhỏ	Sắt	2	
	Móc	Sắt	1		
	Bi	Tròn	Đồng	5	
	Nút áo	hình cầu	Đồng	2	
	Trái dừa nước	Vỏ	Hữu cơ	1	
	Cây bần (?)	Vỏ	Hữu cơ	1	
	Lá cây ráng (?)	Cọng	Hữu cơ	4	
	Mảnh sành & gốm trắng men	Chum vại	Gốm	4	
		Chậu (Diệm)	Gốm	6	
	Gốm mộc	Nắp đĩa	Gốm thô	1	
		Vỏ	Gốm thô	1	
		Đế trắng	Gốm mịn	1	
Gốm sứ trắng men xanh trắng	Bàn đĩa	Gốm sứ	40		
	Nhập khẩu	Gốm sứ	14		
Cộng				658	

### 3.Nhận thức chung

Cuộc khai quật di tích *14BT-TTCL-MHC1a-c* ở Chợ Lách (Bến Tre) đã thu thập toàn bộ dữ liệu khoa học hiếm quý về mộ hợp chất Nam Bộ nói riêng và ở cả Việt Nam nói chung. Đây là di tích cổ mộ đầu tiên được khai quật khoa học trên đất Bến Tre. Từ hiện trường khai quật có thể nhận thức rất rõ rằng: Người xưa đã chọn khu đất vốn là gò đất cát phù sa cồn sông cổ để làm nghĩa trang gia đình quý tộc thời Nguyễn, thiết kế khuôn viên dành cho một ngôi mộ song táng người trưởng thành (mộ đôi: *14BT-TTCL-MHC1a-b*) và một ngôi mộ đơn táng trẻ em “yếu chết” (夭折)- “đoàn chết” (短折) (chết yếu; chết non) nằm kề bên (mộ đơn nhỏ: *14BT-TTCL-MHC-1c*).

3.1. Cả hai kiến trúc mộ song táng và đơn táng đều được xây dựng bên trên bằng chất liệu hợp chất, phần kiến trúc bên dưới chỉ có phần

móng (gạch, đá ong) đỡ cho kiến trúc bên trên. Mộ song táng lớn có cặp hương án nhà bia hướng Nam (lệch Đông 3<sup>0</sup>). Huyệt mộ được thiết kế kiểu huyệt đất, không có xây thành kim tinh, mộ không có quách gỗ, chỉ có phần áo quan; huyệt mộ lớn chôn khá sâu trên nền sinh thổ sâu tới 275cm so với nền mộ (lớp 6 và lớp 5). Mộ nhỏ là kiểu táng thức hiếm gặp, khi mộ được an táng cũng trong huyệt đất chôn nông chỉ 70cm (lớp 1 và lớp 2), nhưng nằm kế ngay bên cạnh mộ lớn và phần đầu bia mộ được đặt hướng tây vuông góc với thành trái nhà mồ song táng lớn (H11).



H11. THIẾT ĐỒ KIẾN TRÚC MỘ HỢP CHẤT 14BT-TTCL-KP2-MHC1a-c

3.2. Có thể khẳng định ngay rằng hai ngôi mộ hợp chất vừa khai quật ở Chợ Lách là loại hình kiến trúc mai táng dành riêng cho quý tộc Việt đương thời ở vùng này, mang những đặc trưng chung của dòng mộ Vua Chúa và quý tộc gọi là “lăng tẩm hợp chất - tam hợp - ô dước - xác ướp” ở Việt Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng. Với hơn 500 mộ hợp chất hiện biết khắp Bắc, Trung, Nam, có thể nhận định loại hình di tích “mộ hợp chất” là “đặc sản” của truyền thống mai táng Việt dành cho tầng lớp trên của xã hội đương thời, dần trải từ thời Lê đến thời Nguyễn trong khung niên đại từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX. Truyền thống này khởi phát từ vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, lan truyền vào miền Nam Trung Bộ ngay từ thời Chúa Nguyễn xác lập Đàng Trong và cả miền Đông và miền Tây Nam Bộ từ thế kỷ XVIII, rồi phổ cập từ thời Chúa Nguyễn Phúc Ánh đăng cơ trong thế kỷ 19. Trong thống kê chung của tôi (2014), số lượng mộ hợp chất lớn nhất đất nước chính là vùng Nam Bộ (với 317 di tích = 54,6%) và Nam Trung Bộ (203 di tích = 34,8%); trong khi vùng khởi phát dạng

mai táng đặc thù này – Đàng Ngoài chỉ có 62 di tích (10,6%). Trong 195 di tích mộ hợp chất Nam Bộ, kiểu thức phối trí mộ song táng chiếm số lượng đáng kể (53 di tích) dành tôn vinh những bậc “Tiền hiền” (前賢) từng dày công “Khai cơ” (賢開) mở cõi “Đất rừng Phương Nam”, với đa phần mộ đức ông “đanh gia vọng tộc” quyền uy bậc nhất xứ này (Tổng trấn Lê Văn Duyệt; Công hầu Võ Di Nguy; Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức; Thoại Ngọc Hầu; Điều bát Thống chế Nguyễn Văn Tồn .v.v...) nằm kế bên chánh thất phu nhân chính là thông điệp tôn vinh “Hiển Tỷ” (顯妣) = “Mẹ đã khuất” ngang bằng với “Hiển khảo” (顯考) = “Cha đã khuất” trong tình cảm Việt truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” và đạo lý Việt “Thờ cúng Tổ Tiên” nhưng mang sắc thái của riêng Nam Bộ – điểm không hề có trong mộ hợp chất Đàng Ngoài với tuyệt đại đa số kiến thiết cho đơn táng (53 di tích = 96,4%), nơi mộ đức ông tách biệt hẳn với các phu nhân. Sự tôn vinh cá nhân tài đức “phò Chúa” và “Hộ tể cứu dân” trong lịch sử mở nước và rào dậu phen chắn “Đại Nam nhất thống” thời Chúa và Vua Nguyễn ở tận cùng đất nước cả nam lẫn nữ

chính là *đặc trưng nổi trội của nhân cách Nam Bộ đương thời* – đặc trưng lẫn át tất cả đặc điểm tiêu tiết “phá cách” và “bất tuân luật lệ triều đình” ghi nhận chính trong lăng tẩm hợp chất xứ này, ngay từ danh xưng (như tội triều đình quy cho chính quan Tổng trấn Gia Định Thành dám gọi mộ mẹ bằng “Lăng” (陵) – danh từ chỉ được phép dùng cho “ngôi nhà vĩnh cửu” của Vua và Hoàng hậu (nhưng dân Nam Bộ đương thời và hậu thế vẫn dám gọi chính mộ ông và phu nhân là “Lăng Ông Bà Chiêu”); đến quy mô cực lớn, tùy táng xa hoa của các “Lăng Ông” khác (như Đại học sĩ Thượng thư Trịnh Hoài Đức và chánh thất phu nhân; Quận công Võ Di Nguy và phu nhân, Điều bát Thống chế Nguyễn Văn Tồn và phu nhân v.v...) đều “vượt chuẩn” trong Hội Diên v.v... – cũng là các “ngoại lệ” phạm thượng không dễ thấy trong lịch sử quân chủ Phong kiến Việt Nam ở cả hai thế kỷ 18-19 [7:2014].

**3.3.** Tuy nhiên, qua vài chục ngôi mộ hợp chất đã khai quật ở Nam Bộ và ở cả Việt Nam, tất cả các mộ huyết đều dành chôn người lớn, có xây *bể hợp chất* và hạ huyết *khá nông*: dao động từ **40-50cm** đến **217-220cm** (*Mộ Nam Bộ*: HCM-Q2-PBTĐ-M14 = sâu 40-50cm; HCM-Q2-PTML-M23 = sâu 120cm; HCM-Q3-P8-M3-Võ Thục Nhân = 110cm; HCM-Q5-P8-MXC7a-Trần Thị Hiệu = 140cm; HCM-Q10-P8-M1a-b: ông bà đường Nguyễn Tri Phương = sâu 84-98cm; HCM-Q10-P14-MPTa-b: ông bà ở Phú Thọ Hòa = sâu 91-150cm; ĐN-BH-PAB-Biên Hùng: sâu = 50cm; ĐN-BH-PAB-M1-2: sâu = 70-91cm và 115-173cm; ĐN-BH-PTV: sâu = 75cm; và sâu nhất là kim tính các mộ ở Bình Dương: BD-TDM-M2a-b: sâu = 140cm; BD-TDM-M1a-b-Bá hộ Quới: sâu 217-220cm; *Mộ miền Bắc*: Gò Lễ và Gò Lăng Dừa (Chương Mỹ-Hà Nội): sâu 65-150cm; Văn Cát (Nam Định): sâu = 160cm [14; 3]. Với cuộc khai quật Chợ

Lách (Bến Tre) năm 2014, *lần đầu tiên ở Nam Bộ và ở cả Việt Nam chúng ta ghi nhận được loại hình lăng tẩm có nhà mồ hợp chất lại chỉ có huyết đất và đào sâu tới 275cm* như ở mộ song táng Chợ Lách. Cũng là lần đầu tiên chúng ta ghi nhận *có loại hình nhà mồ hợp chất hoàn chỉnh dành chôn trẻ em*, lại chôn kể bên mộ song táng người lớn cùng lối thiết kế và trang trí như mộ đơn táng Chợ Lách.

Trước đây, PGS.TS Nguyễn Lâm Cường (Hội Khảo cổ học Việt Nam) từng khai quật mộ Cao Phương trung bày ở Bảo tàng Nam Định coi như: “mộ trong áo quan ngọc am – ngoài quách hợp chất *nhỏ nhất Việt Nam*”. Nhưng ngôi mộ này chỉ có quách khối hình hộp hợp chất chứa áo quan ngọc am với kích cỡ: 107 x 36cm là *dạng mộ cải táng người lớn* – đàn ông 40-45 tuổi nhuộm răng đen (website: 2). Với mộ đơn táng Chợ Lách, lần đầu tiên ở Việt Nam, chúng ta được biết có dạng *nhà mồ thiết kế dành riêng cho trẻ em cỡ nhỏ nhất*: kích thước nhà mồ hợp chất = 140 x 65cm, cao 95cm; huyết mộ đất chữ nhật = 130 x 60cm, sâu 70cm. Với lối trang trí cầu kỳ, màu tô, sứ gắn, mai táng “trong quan, ngoài quách” dành riêng cho trẻ như Chợ Lách, chúng ta không hoài nghi về thân phận “Cụ Trẻ” đương thời là “Quý tử” linh thiêng vì “yêu chết” được ưu ái nằm bên cha mẹ thời Cận đại. Ở cả Việt Nam, trường hợp người chết trẻ được ưu ái như mộ đơn Chợ Lách chỉ thấy trong Quần thể Di tích Bình San (Hà Tiên – Kiên Giang), với sự hiện diện mộ hợp chất Mạc Mi Cô Tiểu Thư - ấu nữ của Đô đốc Tổng trấn Mạc Thiên Tứ và chánh thất Hiếu Túc Nguyễn Phú Nhân, được đích thân mẹ chủ táng phía tây núi Bình San và cha truyền khắc bia ghi: “*Tiểu thư Mạc Mi Cô chi mộ*”, nhưng “Cô Năm” nằm ở Khu II rất xa cha mẹ (Khu I). Cụ “Trẻ” Chợ Lách được chôn toàn thân còn gần như nguyên hình hài nhân cốt, theo giám định của bác sĩ Phan Bảo Khánh, TS Võ Văn Hải

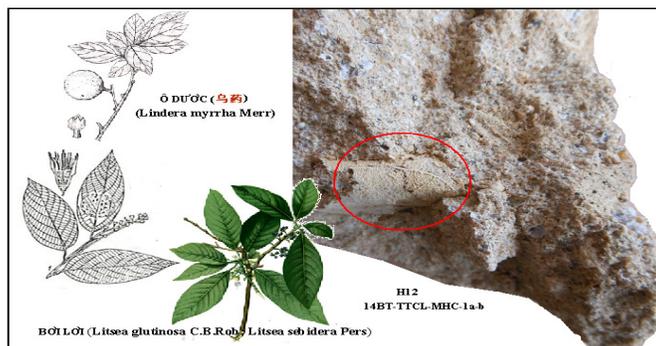
(Bộ môn Giải Phẫu học, Đại học Y – Dược Tp. HCM), cao toàn thân khoảng 90-100cm, cỡ tuổi khoảng 2-4 tuổi, y phục còn dính 2 nút hình lục lạc đồng *lần đầu tiên ghi nhận trong nhà mồ hợp chất quý tộc đương thời ở Việt Nam*. Đó chính là *điểm độc đáo nhất* của riêng quần thể mồ hợp chất Chợ Lách vừa khai quật thấy cả mộ song táng người trưởng thành (cha mẹ) và mộ đơn táng trẻ em (quý tử chết yếu).

**3.4.** Ở ngôi mộ đơn táng “Quý tử” Chợ Lách, dù chôn trong huyết đất, bề mặt vẫn được xếp 10 viên đá ong Biên Hòa và đắp đầy bằng nham mồ hợp chất vững chãi, đáy huyết mộ này vừa sát mức ngập nước trong vùng cồn phù sa sông cổ Chợ Lách (70cm) nên thật may còn *giữ nguyên cấu trúc áo quan với cả 4 đỉnh sắt khoen tròn* dùng luồn dây lúc hạ quan và *bảo lưu gần nguyên thi hài mộ chủ cùng 2 nút áo hình lục lạc bằng đồng thau. Thiết kế âm phần là đặc điểm riêng của mộ đơn táng Chợ Lách*, nhưng kỹ thuật chế tác áo quan có nắp thiên là mái vòm, tấm hồng gắn 2 cặp đỉnh sắt đính khoen tròn dùng luồn dây lúc hạ quan, cùng nút áo hình lục lạc lại là *đặc điểm chung Nam Bộ* từng thấy ở một số mộ đại gia và nữ Quý tộc xứ này: Mộ bà Võ Thục Nhân (Quận 3); Mộ ông ở Phú Thọ Hòa, Mộ bà đường Nguyễn Tri Phương (Quận 10-Tp.HCM); mộ bà Cầu Xéo (Long Thành - Đồng Nai); Mộ Bá hộ Quới (Bình Dương) v.v... [7: 2001; 9; 11].

**3.5.** Riêng ngôi mộ song táng ông bà Chợ Lách, thiết kế âm phần hoàn toàn ghi nhận hương án và khung bia dành chôn theo nguyên tắc “*tả nam – hữu nữ*” thường thấy ở Nam Bộ (Đàng Ngoài không hề có). Thật tiếc, vì chôn huyết đất khá sâu (275cm) trong tình trạng lâu

niên ngập nước, đôi quan tài, nhân cốt và cả y phục hay tùy táng hữu cơ chôn theo bị hủy hoại gần hết. Khảo sát kỹ khối bùn đất đen phân hủy, ngoài vết tích còn sót lại của mảnh sọ người trưởng thành và một số mảnh áo quan còn hình hài tấm thiên mái vòm đặc trưng áo quan Nam Bộ (Đàng Ngoài ván thiên chỉ là ván xé bằng); không ít tàn tích khác thu được rất thú vị vì cũng là lần đầu tiên được biết ở Việt Nam: Đó là 5 viên bi đồng cỡ nhỏ rắc quanh sọ người đã khuất. Các tàn tích thực vật quý như: nhiều búi xơ dừa có thể dùng làm vật chèn áo quan khi tẩm liệm (các vùng khác dùng gối bông hay giấy bản và vải vóc); 1 vỏ *trái dừa nước (Nypa fruticans)*; 1 khúc *vỏ cây bản cổ thụ (Sonneratia)*; 4 cọng lá *cây ráng (Acrostichum aureum Linn)* v.v...

Bên cạnh đó, trong khối hợp chất rắn cứng tốt nhất của nhà mồ mộ song táng này (cát hạt mịn trộn với vôi tôi, san hô, than hoạt tính) mà chúng tôi lấy về để phân tích thành phần vật liệu và hệ số mềm hóa, lần đầu tiên chúng tôi ghi nhận *một mẫu lá thực vật gần giống lá cây Bời lời hay Ô Dược còn nằm nguyên hình trong mẫu hợp chất được lấy để phân tích (H12)*.



Cây Bời lồi (*Litsea glutinosa* C.B.Rob; *Litsea sebidera* Pers) còn có tên bời lồi đỏ, mò nhót, bời lồi nhót, bời lồi dầu, nhót mèo, sần thụ, sần cào thụ là loài thực vật thân gỗ đặc hữu Việt Nam thuộc họ long não Lauraceae, lá mọc so le hình bầu dục (7-20 x 4-10cm) màu xanh lục đậm, mặt dưới có lông có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (website: 3), mà theo Trịnh Hoài Đức, Bời Lồi có lá tròn, dài, có lông, thớ mịn, có hai loại vàng và trắng, nhựa ở vỏ cây rất dính, trộn với đất tam hòa – tức tam hợp, dùng vôi, cát, đất nhào lẫn với nhau xây mộ rất tốt [18]. Cây Ô Dước (乌药) (*Lindera myrrha* Merr) hoặc Ô Dước Nam (*Lindera myrrha*. Lour.) thuộc họ Long não (Lauraceae) cũng có tên trong Sách Đỏ Việt Nam, còn tên gọi khác như Thiên Thai Ô Dước, Bàng Ty; là loài cây gỗ nhỏ sống ven rừng và trảng bụi đất thấp từ Huế và Bảo Lộc đến Nam Bộ từ lâu được khai thác lấy rễ làm thuốc trị nhiều bệnh (đau bụng, ăn không tiêu, nôn mửa), vỏ và lá giã nát làm chất kết dính làm giấy, gỗ nhiều chất nhầy dùng cho xây dựng mô mã thay cement (website:4) (H12).

Chúng ta đều biết rằng các loài thực vật lần đầu phát hiện ở Việt Nam trong mộ hợp chất Chợ Lách (Bến Tre) đều là giống loài quen thuộc của vùng châu thổ Nam Bộ. Cây Dừa nước (*Attap palm*; *Nipa palm*; *Mangrove palm*) là loài

duy nhất trong họ Cau (Arecaceae) sinh sống trong những vùng sinh lầy dọc theo bờ sông, hay vùng ven cửa biển có thủy triều lên xuống, có nước chảy chậm bồi đắp phù sa dinh dưỡng. Ở Nam Bộ, hiển nhiên dừa nước thường được lấy lá lợp nhà và trái để ăn mà theo Đông y có công dụng ngọt mát, không độc, giúp tăng cường khí lực, tươi nhuận nhan sắc, giải nhiệt, cầm máu nên rất tốt khi điều trị cảm nắng, thổ huyết, máu cam. Ở Đông Nam Á, người dân còn chiết suất nhựa dừa nước từ cuống hoa để nấu đường để xuất khẩu ở Malaysia, ủ rượu Tuba, làm bia, chưng cất cồn, lên men giấm làm “nguyên liệu tuyệt vời để chế biến các món ăn hấp dẫn tại các nhà hàng ở Thái Lan và Philippines” (websites: 5-6). Sự có mặt trái dừa nước trong quan tài mộ song táng Chợ Lách còn là “câu đố lịch sử” có thể chi hàm nghĩa “*kỷ niệm xứ Dừa*” cuối cùng dành cho người đã khuất, nhưng từng búi xơ dừa bị phân hủy hẳn là vật chèn độc đáo của riêng xứ này thay cho giấy bản hoặc “gối chèn” hay vải vóc trong nhiều quan tài mộ quý tộc Việt Nam thời Trung - Cận đại [3].

Cây Bần (*Sonneratia*) Thủy Liễu là một chi thực vật có hoa trong họ Bàng lãng (Lythraceae) thuộc loài cây thân gỗ sinh sống xen đầm dừa nước phổ biến ở vùng đất bồi lãng phù sa Nam Bộ, chủ yếu ở phần trên cửa sông độ mặn thấp

nhiều bunn có nước ngọt chuyển động. Gỗ chủ yếu làm chất đốt. Vỏ cành và thân cây, gỗ chứa archin (emodin), archinin (chrysophanic acid) và archicin, ở Ấn Độ và Phi Châu chiết suất cho 9-11,7% tanin có thể dùng thuộc da. Rễ thối làm nút chai (dân gian Việt gọi là “cặc bản”). Lá có vị chát và trái có vị chua, mát có thể dùng làm thức ăn sống, nấu canh cá được coi là “món độc quyền” Nam Bộ; lại có thể làm thuốc đắp có tác dụng tiêu viêm, giảm đau, tẩy bong gân, dùng cầm máu và trị vết thương và chứng xuất huyết. Trái Bần còn là biểu tượng trong văn hóa dân gian Maldives (websites: 7-8). *Cây Ráng* (*Acrostichum aureum* Linn) là loài dương xỉ lớn mọc hoang theo bờ sông rạch có nguồn nước lợ và nước mặn ở Nam Bộ. Gân lá chính mọc 20-30 lá chét. Cọng khô dùng bó chổi. Chồi, bẹ và lá non dùng làm rau luộc, rau xào thịt, tôm, cua. Theo y học cổ truyền Ấn Độ, Trung Quốc, Malaysia và Viện Dược liệu Việt Nam, Cây Ráng chứa chất methanol có tác dụng chống tế bào ung thư, đắp vết thương, cầm máu, trừ giun sán, chữa loét, nấm da, chữa cả lao phổi, ho, rối loạn tiêu hóa, sắc uống thân lá để sát trùng. Các chiết suất lỏng có tính chất diệt khuẩn (website: 9).

Nhóm di tích thực vật này sẽ được chúng tôi tham vấn các nhà nghiên cứu nông học, thực vật học và dược liệu cổ truyền Việt Nam để “giải mã” bí ẩn về công dụng và tìm hiểu về kỹ thuật tẩm liệm và cả mong ước quà xác vĩnh hằng của tiền nhân Nam Bộ. Chúng góp thêm tư liệu mới vào nhiều loại thực vật được tiền nhân Nam Bộ tẩm liệm trong quan tài người thân xấu số: Ví như, Hạt “Chăm Bầm” *Entanda* sp. Fabaceae và trái “Công chúa” *Y Lãng Cananga odorata* rắc mộ bà Chánh thất Tham tri Bộ hộ Võ Thục Nhân ở Quận 3; trái “chanh màng tang” rắc mộ bà đường Nguyễn Tri Phương (Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh) có giá trị sát trùng cao; Lá sen (*Lotus leaf*) phủ đầy thi hài và lúa hạt dài (*Oriza Sativa*

L.), rơm rạ và cói (*Cyperaceae*), hàng ký hạt Nguyệt Quế (*Murraya paniculata* L.) rắc trong quan tài mộ bà Cầu Xéo (Đồng Nai); nửa tạ dược liệu và hạt cây rấc đậy quan tài mộ Cái Bè (Tiền Giang) (MC2-CB-9/94) v.v...

Nhưng với dấu tích Bời Lời hay Ô dước, cây Dừa nước, cây Bần, cây Ráng lần đầu tiên được biết trong mộ hợp chất Chợ Lách, đặc biệt là Dừa nước từng phát hiện ở Lò Gạch (Long An) (niên đoạn ước đoán 2500-2200 BP – [1]), ở di chỉ cư trú Gò Tháp thời văn hóa Óc Eo, cùng với lá vàng trong hồ chôn mà TS Đào Linh Côn gọi là “mộ táng” chạm khắc hình nhà sàn lợp lá dừa nước bên cạnh đọt dừa “khá giống với hình nhà sàn trên trống đồng Đông Sơn (Heger I) hay dạng nhà sàn và nhà mồ của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên hiện nay [2], khiến chúng tôi vẫn liên tưởng đến môi trường sinh thái của “*Văn minh thực vật*” (*Civilisation de végétal*) (Gourou, P.1948) – “*Văn minh miệt vườn*” [17] – “*Văn minh sông nước*” Bến Tre và Nam Bộ với những giống loài thực vật “đặc sản” Nam Bộ đã đi vào câu ca – điệu hò xứ này “*Từ thuở mang gươm đi mở nước*” (Huỳnh Văn Nghệ 1998). Ví như: “Thấy dừa lại nhớ Bến Tre” (Ca dao) và “*Ai đừng như bóng dừa...*” (Nguyễn Văn Tý: “*Dáng đứng Bến Tre*”).

“*Cảm thương Ô dước, Bời lời*

*Cha Sao, Mẹ Sến, dựa nơi gốc Bần*” (Ca dao).

“*Muốn ăn mắm sặc Bần chua*

*Chờ mùa nước nổi ăn cho đã thèm*” (Ca dao).

**3.6.** Về chất liệu hợp chất, quan sát mắt thường ghi nhận vật liệu xây dựng mui luyện Chợ Lách (Bến Tre) đạt chất lượng hảo hạng không thua kém các mộ hợp chất đã khai quật ở Đồng Nai và Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả giám định ghi nhận các thành phần hợp chất hóa học chủ đạo như Silicon dioxide ( $\text{SiO}_2$ ) ở

mộ Chợ Lách là ít nhất (58,8%) so với các mẫu ở Đông Nam Bộ (Cầu Xéo – Đồng Nai: 72,2%; Vành đai Đông, Q2: 82,5%; Viện Pasteur, Q3: 74-76,1%; Mộ đường Nguyễn Tri Phương, Q10: 75,85-75,91%); trong khi lượng muối Calcium Carbonate (CaCO<sub>3</sub>) và Ferric Oxide (Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) ở mộ Chợ Lách lại nhiều hơn: CaCO<sub>3</sub> = 25,9% và Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> = 3,0%; ở các mộ Cầu Xéo – Đồng Nai: CaCO<sub>3</sub> = 4,8% và Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> = 2,1%; Vành đai Đông, Q2: CaCO<sub>3</sub> = 13,3% và Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> = 0,1%; Viện Pasteur, Q3: CaCO<sub>3</sub> = 7,5-14,2% và Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> = 0,6-1,1%; Mộ đường Nguyễn Tri Phương, Q10: CaCO<sub>3</sub> = 10,9-12,2% và Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> = 1,42-1,68%. Độ ẩm và tạp chất hữu cơ ở mộ Chợ Lách có ít (2,5%) gần tương đương với mẫu Vành Đai Đông (2,3%), còn bé hơn các mẫu Đông Nam Bộ khác: Viện Pasteur, Q3: 0,5-3,5%; Mộ đường Nguyễn Tri Phương, Q10:

3,25-4,23%; Cầu Xéo – Đồng Nai: 8,4%). Ngoài ra, hợp chất Chợ Lách vắng thiếu các chất vôi sống (CaO), Ô xyt Magiê (MgO), Ô xyt Nhôm (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>), đá màu trong Sulfat Canxi (CaSO<sub>4</sub>) có tác dụng hút ẩm từng thấy ở hợp chất Đông Nam Bộ; nhưng lại có thêm các chất lạ như: tinh thể rắn trắng Strontium peroxide (SrO<sub>2</sub>= 0,2%); Cao lanh (nhôm silicat Hydroxide) Aluminium silicate (Al<sub>2</sub>Si<sub>2</sub>O<sub>5</sub>(OH)<sub>5</sub> = 6,4%); Kali silicate (Potassium silicate) (K<sub>2</sub>Si<sub>2</sub>O<sub>5</sub>=3,2%) mà ở hợp chất Đông Nam Bộ không có. Các chỉ số phân tích cường độ nén (Compressive strength) ở hợp chất mộ Chợ Lách (Bến Tre) đều rất bé (Mpa = 7,6-7,8) thua xa chỉ số tương ứng ở các mộ Cầu Xéo – Đồng Nai (MPa = 12,4-20,6), mộ Viện Pasteur, Q3 (MPa = 53,9-62,8) và ở đường Nguyễn Tri Phương, Q10 (MPa = 34,8-49,1) (Bảng 2).

**Bảng 2.** Kết quả phân tích định lượng thành phần hợp chất hóa học, cường độ nén & tải trọng phá hủy vật liệu xây mộ chợ Lách (Bến Tre)

Mẫu Hợp chất	Định lượng thành phần (%)							Tải trọng phá hủy kN	Cường độ nén MPa
	SiO <sub>2</sub>	Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	CaCO <sub>3</sub>	SrO <sub>2</sub>	Al <sub>2</sub> Si <sub>2</sub> O <sub>5</sub> (OH) <sub>5</sub>	K <sub>2</sub> Si <sub>2</sub> O <sub>5</sub>	Độ ẩm, tạp chất hữu cơ		
M1	58,8	3,0	25,9	0,2	6,4	3,2	2,5	87,7	7,6
M2								90,4	7,8
M3								84,3	7,6
Phòng thí nghiệm	Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm, Sở KH&CN Tp.HCM							Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3	

Riêng mẫu nước ngập trong kim tĩnh mộ lớn (sâu 70-275cm), giám định của Phòng kiểm nghiệm hóa - lý - vi sinh (Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh) (Bảng 3) ghi nhận độ chua, độ kiềm của đất nơi đây (pH) chỉ thị có tính kiềm (trị số >7), chứa nhiều ion nhóm carbonate, bicarbonate và hydroxide. Các hàm lượng của Sulfat (SO<sub>4</sub>) và clorua (Cl<sup>-</sup>) là tổ chất nếu nhiều trong nước sẽ

làm xâm thực cả bê-tông. Độ ô xy hóa (chất hữu cơ) trong nước Chợ Lách vượt quá tiêu chuẩn nước sạch quy định theo KMnO<sub>4</sub> (<2 mg/l) (websites:10-11). Thực tế khai quật ghi nhận sự phân hủy khá triệt để cả hai quan tài danh mộc, nhân cốt và y phục chôn theo chúng, còn sót lại rất ít mảnh gỗ, sọ người, bi đồng và tàn tích thực vật v.v...

**Bảng 3.** Kết quả kiểm nghiệm mẫu nước trong huyết mộ chợ Lách (Bến Tre)

TT	Yêu cầu thử nghiệm	Kết quả	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn
	Độ Oxy hóa (Organic matter) *	9.05	mg/l	TCVN 6186:1996	15
	pH *	7.40		TCVN 6492:2011	4-12.5
	Muối hòa tan	234	mg/l	TCVN 4506:1987	2000
	Sulfat (SO <sub>4</sub> ) *	25.8	mg/l	AFNORNF 190-040	600
	Clorua (Cl-) *	19.9	mg/l	TCVN 6194:1996	350
	Cặn không tan	120	mg/l	SMEWW2540 B	200
Phòng thí nghiệm		Phòng kiểm nghiệm hóa lý – vi sinh, Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh			
Ghi chú: * Chỉ tiêu được VILAS công nhận					

**3.7.** Mộ song táng và đơn táng Chợ Lách với cấu trúc Nhà bia gắn Nhà Mộ kiến tạo mang đặc trưng chung kiến trúc dạng Lăng quý tộc Nam Bộ không có ở Đàng Ngoài. Tuy nhiên, thiết kế Lăng kiểu nhà Việt truyền thống này chỉ phổ cập ở miệt cao – Sài Gòn và Biên Hòa mà *ít thấy ở miền Tây Nam Bộ* (cho đến nay, ngoài mộ khai quật ở thị trấn Chợ Lách và mộ vừa phát hiện ở Long Vinh (huyện Chợ Lách), chúng tôi chỉ thấy có ở Lăng Thoại Ngọc Hầu và chánh thất Châu Thị Tế cùng thứ thất Trương Thị Miệt ở Núi Sam (An Giang).

Nhưng Lăng quý tộc Chợ Lách lớn hơn rất nhiều nhà lăng Thoại Ngọc Hầu và các phu nhân: Các mộ song táng *14BT-TTCL-MHC-1a-b* quy mô 300 x 240cm, cao 185-205cm; và nhà mộ chữ Đinh *14BT-CL-LV-MHC-3* quy mô tới 380 x 297cm, cao 260cm và *bề thế không thua gì lăng tẩm Quý tộc Nguyễn quyền thế nhất ở nội đô Sài Gòn*. Ví như, các nhà Lăng vợ chồng Lâm Tam Lang (340 x 330cm) và Thiện nhân Trịnh Hưng Kim (310 x 200 x 215cm) ở Quận 1; Lăng Chánh thất quan Tham tri Bộ hộ Võ Thục Nhân ở Quận 3 (410 x 262 x 210cm); Lăng bà Trần Thị Hiệu ở Quận 5 (360 x 300 x 300cm); Lăng ông bà đường Nguyễn Tri Phương ở Quận 10 (360 x 320 x 115cm); Lăng Công chúa Thận

nhân Hà Cẩn Ý (350 x 220 x 310cm) và Thái Nhụ nhân Trinh liệt họ Đỗ (260 x 175 x 250cm) ở Quận 11; Lăng ông bà Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ Lê Đoan Trực (350 x 360 x 200cm) ở Quận Tân Bình; Lăng Phó Tổng trấn Gia Định thành người huyện Bảo An – Long Vân Hầu Trương Tấn Bửu (330 x 220 x 210cm) và Phò mã Quốc Công Võ Tánh (400 x 300cm) ở Quận Phú Nhuận v.v...

**3.8.** Bởi thế, dù cặp bia ẩn tên và minh tinh bị hủy ở mộ song táng Chợ Lách không cho chúng ta thông tin về chủ nhân mộ chủ từ danh tính và niên đại chân xác mà người giả Chợ Lách vẫn tương truyền là “Danh tướng thời Chúa Nguyễn Phúc Ánh”, trong khi chờ đợi kết quả giám định niên đại áo quan C14, chúng ta vẫn có thể đoán định: *Mộ chủ quân thế lăng hợp chất Chợ Lách là quý tộc Nguyễn quyền uy thời bấy giờ được Triều đình cho phép kiến thiết lăng tẩm kiểu này quy định trong Hội Điện*. Tầm cỡ ngôi mộ hợp chất song táng này chỉ có thể gắn với các nhân vật lịch sử có tài lực và danh tiếng có ảnh hưởng gắn với tiến trình lịch sử hình thành vùng đất huyện Bảo An, Bảo Hựu (Bến Tre sau này) mà theo tư liệu Quốc Sử quán triều Nguyễn trong “Đại Nam nhất thống chí” đã chép tên các danh nhân gốc người huyện Bảo An (Tiền dinh Đô

thống chế Phạm Văn Triệu) và người huyện Bảo Hựu (Thiếu bảo Lê Văn Đức, Tổng đốc Định Biên Nguyễn Văn Trọng, các quan Chương cơ Vũ Văn Ân, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Văn Chử, Đặng Văn Phương); cũng giống như quần thể mộ hợp chất của quan Đô thống chế Trần Công Lại (mất năm 1824) được chúng tôi phát hiện ở Long Vinh (Chợ Lách) gần đó, còn đủ tường thành, bình phong tiền được trang trí: “lưỡng long triều dương”, các cặp trụ biểu ngoài đước thiêu – trụ sen còn có cả linh thú – 2 cặp tượng lân-nghe của “Tứ linh” xưa v.v... Tạm thời có thể đoán định niên đại thành tạo của di tích mộ hợp chất song táng và đơn táng Chợ Lách khoảng cuối thế kỷ 18 – đầu thế kỷ 19.

**3.9.** Đây cũng là *khung niên biểu tương thích với nhóm đồ sành – gốm trắng men và gốm xanh trắng – hoa lam thu được trong địa tầng khai quật đất nền mộ bao quanh kiến trúc*. Ngoài nhóm mảnh sành và gốm trắng men của các loại hình dân dụng quen thuộc ở miền Tây Nam Bộ như chậu (Diệm) dùng đựng nước ngọt hay chế biến thức ăn, đĩa gốm mộc dùng đựng các hũ mắm hay lu vại, nồi vò gốm thô và gốm trắng mịn; cùng nhóm mảnh gốm gia dụng (tô lớn, tô thân bầu, bát chiết yêu, đĩa các cỡ .v.v...) có cội nguồn bản địa từ các lò gốm dân gian Nam Bộ ở Lái Thiêu và Biên Hòa có thể đến đồng bằng sông Cửu Long theo đường sông về các chợ nổi “đầu mối” cùng với gạch đá ong Biên Hòa dùng xây thành – lát mộ theo nhiều nguồn sử liệu. Đặc biệt có các tiêu bản giống với gốm men xanh trắng và hoa lam mà chúng tôi phát hiện trong cỗ mộ cùng thời ở miền Đông Nam Bộ (mộ song táng Phú Thọ Hòa ở Quận 10; mộ bà Khương Thị Đức ở Quận Phú Nhuận (Tp. Hồ Chí Minh); mộ ông bà Bá hộ Quới ở Thủ Dầu Một (Bình Dương). Trong các tiêu bản sứ men xanh trắng, sứ hoa lam thuộc các lò tinh Nam Trung Hoa; ngoài 1 mảnh đế của tô gia dụng dày thô vẽ màu

xanh lọt hình hoa lá giống sứ Thanh trực vót trên các tàu đắm Bình Thuận, Hòn Cau; có mảnh chén sứ trắng xương mỏng vẽ hình rồng 5 móng có 5 đao lửa khá giống chén nội phủ Long Hy Thủy Cung Đình Nguyễn Triều. Có mảnh đĩa xương mỏng tinh xảo, tròn còn chữ: “Nội phủ” (內) (chữ “Phủ” thiếu nét), trong lòng trang trí đề tài “Trúc lâm thất hiền” màu xanh sáng sắc nét, rất giống đồ “Nội phủ” trong sưu tập Vương Hồng Sển còn lưu tại Bảo tàng Lịch sử VN–Tp. HCM có niên đại thế kỷ XVIII-XIX [12; 15]. Đặc biệt, có cả đĩa “quan dụng” men lam viết thảo 4 chữ Hán: “*Nhược thâm trân tàng*” (若深珍藏) (sâu thẳm cất kỹ), trong lòng đĩa có viết 4 hàng chữ Hán (đọc từ trái sang phải và từ trên xuống dưới: “Vị Thủy đầu can nhật. Kỳ sơn nhập mộng thần” (渭水投竿日. 岐山入梦辰) và trang trí hình ông già câu cá dưới gốc cây cổ thụ. Mới đây, khi trao đổi học thuật với chúng tôi, các GS Lý Trân (李珍), Lý Phú (李富), Hoa Mậu Mậu (花茂茂) (Viện Khảo cổ học và Đại học Dân tộc Quảng Tây) giải thích bài thơ này viết về tích: “Khương Thái Công tên Thượng, tự Từ Nha, đạo danh Phi Hồng” câu cá ở “Vị Thủy” - sông nhánh lớn của Hoàng Hà và “Kỳ Sơn” ở Thiểm Tây, liên quan đến giấc mộng Tây Bắc Hậu mơ thấy con hổ có 2 cánh, được Chu Công giải mộng: “Phi Hồng sẽ hiển nhân”. Đây là đĩa sứ “*Nhược thâm trân tàng*” dụng ly trà – sản phẩm xuất hiện sớm nhất đời Khang Hy (1662-1722) và là công cụ quan trọng nhất trong trà công phu (H10). Hiện tượng gốm sứ nhập khẩu từ các lò Phúc Kiến, Quảng Đông (men trắng), Cảnh Đức Trấn (men xanh trắng, men đa sắc), Giang Tô (ấm đất nung) ở cỗ mộ Nam Bộ là phổ biến ở thời này. Thậm chí có nhà nghiên cứu, khi giám định các hồ chôn của ở lăng Thoại Ngọc Hầu và chánh thất Châu Thị Tế dưới chân Núi Sam (An Giang) chứa tới 161 đồ gốm sứ ngoại (1 đồ Châu Âu, 9 đồ Thailand và có tới

151 gồm sứ gia dụng chén, bát, đĩa, thố, chung v.v...) là sản phẩm nhập khẩu từ lò Nam Trung Hoa niên đại khoảng thế kỷ 18 – đầu thế kỷ 19, đã coi như thú “chơi cô ngoạn” chuộng đồ ngoại của quan lại cao cấp Triều Nguyễn đương thời [13].

**3.10.** Lối kiến trúc lăng tẩm bề thế này phổ cập ở Nam Bộ chỉ có thể tính từ thời Gia Long thời “tẩu Quốc” để đấng cơ, hoặc ít nhất từ khi ông tái chiếm được Gia Định Thành lần cuối. Chỉ vào lúc “Trời yên bể lặng”, Quý tộc Nguyễn mới huy động nhiều tiền của và nhân lực để kiến thiết lăng tẩm “Ngôi nhà vĩnh cửu” cho Tổ tiên và chuẩn bị cả “sinh phần” cho chính mình mong “vạn niên cát địa” để phúc muôn đời cho con cháu. Đó cũng là các trường hợp đích thân Quan Tổng trấn Chương cơ khét tiếng “Cọc gắm xứ Đồng Nai” Lê Văn Duyệt chỉ đạo cất mộ – dựng bia cho Cha Mẹ mình ở Long Hưng – Châu Thành (Tiền Giang) và cho cả em mình – Tả dinh Đô Thống chế Lê Văn Phong (1824), rồi nhận lệnh Vua kiến thiết Lăng cho người tiền nhiệm – Cố Tổng trấn Gia Định Thành Chương cơ Hữu quân Nguyễn Huỳnh Đức (1819) ở Tân An (Long An) và mộ phần của chính Phó tướng mình Long Vân Hầu Trương Tấn Bửu (1752-1827). Chưa kể tới Khu Lăng Hoàng gia Họ Hồ (Thủ Đức) và Gò Công (Tiền Giang) còn được chính các đời Vua chăm sóc đặc biệt để ghi ân tổ tiên, đặc biệt với Đức Quận công Phạm Đăng Hưng (1764-1825), cha đẻ Từ Dũ Thái Hậu Phạm Thị Hằng được chính cháu ngoại là Vua Tự Đức phái những nghệ nhân Cung đình từ Huế vào trang trí thiết kế, lại sai Hiệp Biện đại học sĩ Lễ bộ Thượng Thư Phan Thanh Giản soạn và Hình Bộ Thượng thư Trương Quốc Dụng hiệu kiểm văn bia đá Ngũ Hành Sơn chở thuyền từ Huế vào Gò Công để lưu danh (1858). Rồi sau Hòa ước Nhâm Tuất (3/6/1862), vua Tự Đức còn sai Phan Thanh Giản sang Pháp điều đình xin chuộc đất vì sợ các khu

lăng mộ Hoàng gia và khu lăng mộ họ Hồ ở Biên Hòa bị xâm hại. Khi Hòa ước Giáp Tuất (15/4/1874) ký kết giữa Nam Triều và Pháp còn có riêng điều khoản 5 quy định bảo vệ hai khu đền mộ này.

**3.11.** Trong khung cảnh “Đại Nam nhất thống” thời Cận đại chung cho toàn miền Nam Bộ, bên cạnh ngôi mộ hợp chất có thiết kế Lăng tẩm bề thế dành cho quý tộc vừa khai quật ở thị trấn Chợ Lách, đoàn công tác chúng tôi còn được nhân dân chỉ dẫn khám phá thêm 7 di tích cổ mộ hợp chất ngay trong địa bàn huyện Chợ Lách. Ngôi mộ nằm gần mộ vừa khai quật nhất (*14BT-TTCL-MHC-2*) còn giữ nguyên tường thành, trụ sen, bình phong tiền, hậu chẩm, nhà mồ gắn nhà bia chữ Hán mờ tương truyền là “Má Bà Chu” - thứ thất của Ngoại tả Chương dinh Bình Tây đại đô đốc người Bình Định Chu Văn Tiếp (朱文接) (1738-1784) từng được dân Nam Bộ xưng tên trong “Gia Định Tam Hùng” vì các chiến công khi phò Nguyễn Ánh chống quân Tây Sơn và hy sinh, được Chúa cho chôn tạm ở Cồn Cái Nhum (Tam Bình, Vĩnh Long) và khi thu phục Gia Định, Chúa cho cải táng về Phước An thuộc Dinh Trấn Biên (Bà Rịa-Vũng Tàu), truy phong Tả quân Đô đốc tước Quận Công [16]. Trong khuôn viên Nhà thờ Cái Nhum, ấp Long Vinh, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, chúng tôi phát hiện 3 ngôi mộ hợp chất cỡ lớn kiểu mũi luyện chữ nhật hoặc nhà bia gắn nhà mồ, với 1 mộ còn bia (*14BT-CL-LV-MHC-1*) ghi: “Quốc thụy Trần Công thánh hiệu ni cù lao... Tùng Sơn Hầu tặng Mẫu Vũ Tướng Quân trụ Hành Vĩnh Thanh trấn Trấn thủ Liêm Quân Uy... Súng Soa Thần Sách Quân quản Trung Đô Thống Chế” (國諡陳公聖号尼劬勞...松山侯贈壯武將軍柱行永清鎮鎮守簾管威...銃差神策軍管中都統制) gắn tên Đô thống chế *Trần Công Lại* (? – 1824) từng làm cai đội trong quân ngũ tướng Châu Văn Tiếp và giữ đồn Giác Ngư bên bờ Sài

Gòn (1777), từng theo Tả quân Lê Văn Duyệt tấn công Thị Nại (1801). Dưới triều Gia Long, cụ lãnh nhiều trọng trách: Trấn thủ Sơn Nam Hạ, phụ việc Hiệp tổng trấn Bắc Thành Lê Chất (1810), Trấn thủ Thanh Hóa (1813). Dưới triều Minh Mạng, cụ làm Vệ úy Trấn Vĩnh Thanh (An Giang – Vĩnh Long), cùng Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại chỉ huy đào xong kênh Vĩnh Tế (1823-1824) và mất năm Giáp Thân (1824), được truy tặng chức Đô Thống. Cụ từng theo Thiên Chúa Giáo, mang tên thánh *Nicolas* [16; 4]. Trong địa phận xã Phú Phụng, đó là 3 mộ hợp chôn tương truyền là mộ phần gia đình cụ Nguyễn Thành Sanh. Đặc biệt nhất ở quần thể này còn có thêm hồ nước đắp hợp chôn nằm về phía tây gò, quy mô 200 x 120cm, sâu 73cm. Dù khác biệt nhau về hình loại và quy mô nhưng chúng vẫn có chung chức năng là “*đặc quyền*” dành riêng cho giới *Quý tộc Nguyễn có danh tiếng và tài lực toàn vùng này thời Cận đại*.

**3.12.** Những di tích mộ hợp chôn vừa được khai quật và phát hiện trên địa bàn huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mùa điền dã 2014 của Bộ môn Khảo cổ học (Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh) chứa đựng các di tồn vật liệu và kiến trúc mang dấu ấn chung của dạng mộ hợp chôn quý tộc Việt thời Trung và Cận đại (từ cấu trúc Nhà Bia gắn Nhà mồ kiểu nhà Việt truyền thống, tới khuôn viên uyển thành giống tay ngai, cặp trụ cổng hình búp sen hay “*đuốc thiêng*”, mũi luyệt hợp chôn kiểu “*vòi phục*” hay hình hộp chữ nhật, lối trang trí cửa giả, cột giả, ngói ống, rãnh thoát nước, v.v...), lại có những đặc điểm riêng của Bến Tre lần đầu tiên được biết ở Việt Nam. Ví như, lần đầu được biết phối trí mộ “*Quý tử*” chôn kèm Lăng cha mẹ; lần đầu thấy mô hình có đủ chi tiết kiến trúc dạng “*Lăng*” dành chôn trẻ em theo lối mai táng “*trong quan gổ - ngoài quách hợp chôn*”;

lần đầu thấy dạng mộ song táng và đơn táng chôn trong huyệt đất và tạo các nền móng bằng gạch đá ong Biên Hòa và gạch đĩnh, cùng lối gắn đắp miêng sành sứ trên mũi luyệt, tô vẽ nhà mồ kiểu trang trí võ ca của đình đền và sử dụng sơn màu đen - nâu đỏ. Cũng lần đầu thấy việc sử dụng xơ dừa làm “*vật chèn*” khi khâm liệm và chôn theo các viên bi đồng, trái dừa nước, tàn tích vỏ bần cổ thụ và cọng cây ráng v.v... (Mộ *14BT-TTCL-M1a-c*). Ở khu “*Mả Bà Chu*”, nét đặc sắc nhất chính là kiểu nhà mồ nguyên khối với phần bia được đặt âm vào bên trong kết hợp cửa đóng mở được xây dựng bên trên của huyệt mộ và việc phối trí cặp ban thờ thờ Thần đối xứng hai bên giữa phần quách và phần tiền sảnh trước hương án bia mộ. Ở mộ cụ Đô Thống chế Trần Công Lại, đó là chiếc bình phong tiền đồ sộ chạm nổi motype “*Lưỡng long triều dương*” (cặp rồng châu mặt trời) nhưng mặt trời khoét thủng hướng thẳng vào mộ chủ v.v... Ở cụm mộ xã Phú Phụng, cụm mộ được “*điểm huyệt*” có xây thêm hồ hợp chôn giống hồ đào nhân tạo ở khu mộ cụ Trần Công Lại xã Long Thới để làm nơi “*tụ thủy*” với niềm tin phong thủy xưa về “*Ngôi nhà vĩnh cửu*” sẽ “*Vạn niên cát địa*” v.v... Đây là những phát hiện khoa học sáng giá về loại hình di sản đặc thù kết gắn với “*Danh nhân Chợ Lách*”, nhưng mới chỉ là nghiên cứu thực địa ban đầu của chúng tôi ở tỉnh này. Bởi, “*Mộ cổ ở Bến Tre có rất nhiều. Đáng quý hơn cả là loại hình di tích khảo cổ học Lịch sử này trên “Xứ Dừa” gắn kết khá chặt với nhiều “Danh nhân đất Việt” trong lịch sử dựng nước và giữ nước thời Trung & Cận đại. Những di tồn thiêng liêng và đặc sắc này rất cần nghiên cứu thực địa hệ thống để “phục sử” và phục vụ các yêu cầu bảo vệ di sản văn hóa và phát triển đất nước*” [7:2007].

# The compound tombs at Cho Lach (Ben Tre)

- **Pham Duc Manh**
- **Nguyen Chien Thang**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

## **ABSTRACT:**

*Between April & May 2014, the Department of Archaeology (Faculty of History, University of Social Sciences and Humanities - Vietnam National University, Ho Chi Minh City) and the Department of Culture - Sports and Tourism of Ben Tre Province conducted an excavation of the compound tomb at Chợ Lách town (Chợ Lách district, Bến Tre Province). The main results are as follows: Archaeologists detected two raising architectures on brick ground like the architectural model of mausoleum, in which the big Mausoleum lies approximately directed southward, offset 3° east, including a stele house and a burial house in scale of 300cm in width, 240cm in length and 185-205cm in height designed for 2-adult burial (normally a married couple often found in Nam Bộ Tombs). Two graves are of rectangular form because only soil walls surrounded the graves. They are submerged in water in the depth of 70-275cm, decomposed, containing just a piece of the adult skull, 5 very small bronze balls and plant traces (as coconut fiber and fruit (Mangrove palm), Bần rind (Sonneratia) and Ráng leaves (Acrosticlum aureum Linn), pottery and ceramic pieces etc. The small architectural mausoleum with stele and burial*

*houses was opened heading straight West and with the scale of 140cm in length, 65cm in width and 95cm in height. The rectangular burial pit, with the dimension of length 130cm, width 60cm, depth 70cm, not flooded, so the wooden coffin covered by sarcophagus with iron nails is preserved. There are remains of a lying face-up child, spreading legs, wearing 2 bronze buttons. The baby was about 2-4 years old with the height of 100-110cm. From the results of forensic examination and comparative research into the tomb structure scale and the artifact collected from the excavated pit, the authors state that: The tomb monuments in Cho Lach belong to the styles of stele and burial house for aristocratic title, to the Nguyen Dynasty in two centuries 18<sup>th</sup> and 19<sup>th</sup>, with structure building material, brick grounds, steel frames, wooden coffins with iron nails, spherical virtual buttons, ceramic fragments etc. For the first time in Vietnam, tomb monuments contained such specific characteristics as 5 very small bronze balls and plant traces (as coconut fiber and fruit (Mangrove palm), Bần rind (Sonneratia) and Ráng leaves (Acrosticlum aureum Linn), pottery and ceramic pieces etc. Especially the first time in Vietnam, archaeologists find*

*2 aristocratic mausoleums sitting next to each other, perhaps belonging to the same family, in which the parents were lying in big burial pits and their child (ageing from 2 to 4*

*only) was lying in a small burial pit, but a majestic stele house of this model has still been built from the Medieval & Post-Medieval Ages.*

**Key words:** *the tomb at Chợ Lách town in Ben Tre Province, the tomb monuments in Cho Lach*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Văn Liêm, 2008. Di tích Lò Gạch (Long An) – Khảo cổ học, số 2:26-44.
- [2]. Đào Linh Côn, 1995. Mộ táng trong văn hóa Óc Eo – Luận án PTSKHL, Tp. Hồ Chí Minh.
- [3]. Đỗ Văn Ninh, 1970. Khai quật một ngôi mộ hợp chắt ở Vân Cát (Nam Hà) – Khảo cổ học, số 5-6:144-151; 1971. Ý kiến bổ sung về loại mộ hợp chắt - Khảo cổ học, số 11-12:139-143.
- [4]. Huỳnh Minh, 2002. Vĩnh Long xưa, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- [5]. Lê Quý Đôn, 1997. Phủ Biên tạp lục (bản dịch Viện Sử học), Nxb KHXH, Hà Nội.
- [6]. Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam, 2003. Bản đồ Địa chất Kỹ đệ tứ vùng Nam Bộ – Tp.HCM.
- [7]. Phạm Đức Mạnh, 2001. Mộ hợp chắt ở Gia Định và Nam Bộ xưa – Nam Bộ, Đất & Người, NXB Trẻ Tp. HCM, tập I:158-187; 2007. Đền thờ và mộ táng “Danh sĩ Xứ Dừa” thời Cận đại –Khảo cổ học, số 2/2007: 130-142; 2014. Lạm bàn về niên biểu tục thờ Mẫu & “Cá tính Nam Bộ” trong di sản Đình miếu – Lăng tẩm Nữ Quý tộc Nam Bộ thời Cận Đại – Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ – Bản sắc và giá trị – Nxb ĐHQG-HCM: 28-43.
- [8]. Phạm Đức Mạnh – Đỗ Ngọc Chiến – Nguyễn Chiến Thắng, 2013. Điều tra khảo cổ học Di tích mộ cổ huyện Chợ Lách (Bến Tre) năm 2013 – Tư liệu Bộ môn Khảo cổ học (Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG-HCM).
- [9]. Phạm Đức Mạnh – Lê Xuân Diệm, 1996. Khai quật quần thể mộ hợp chắt Phú Thọ Hòa (Thành phố Hồ Chí Minh) – Khảo cổ học, số 1:59-73.
- [10]. Phạm Đức Mạnh – Nguyễn Chiến Thắng, 2013. Thành cổ Biên Hòa – Tư liệu và nhận thức mới –Khảo cổ học, số 4:57-85.
- [11]. Phạm Đức Mạnh – Nguyễn Hồng Ân, 2011. Mộ hợp chắt Cầu Xéo (Long Thành – Đồng Nai) – Khảo cổ học, số 6:44-62.
- [12]. Phạm Giáng Thơ, 2001. Đề tài trang trí “Trúc lâm thất hiền” trên sưu tập gốm sứ tại BTL SVN-Tp.HCM – Thông báo khoa học Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh, 2001: 48-53.
- [13]. Phạm Hữu Công – Ngô Quang Láng, 2013. Phát hiện di vật của Thoại Ngọc Hầu và phu nhân tại Lăng Thoại Ngọc Hầu – Núi Sam (Châu Đốc, An Giang) – Nam Bộ đất & Người – NXB ĐHQG-HCM, tập 9:328-336.
- [14]. Phan Tiến Ba, 1974. Mộ hợp chắt ở Gò Lẽ (Hà Tây) – KCH, số 16:151-152.
- [15]. Phí Ngọc Tuyển, 2001. Vài nét về đồ gốm hoa lam “Nội Phủ” và “Khánh Xuân” trong sưu tập Vương Hồng Sển – Thông báo

- khoa học Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh, 2001: 37-44.
- [16]. Quốc sử quán triều Nguyễn (Tổng tài Cao Xuân Dục), 2004. Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập (q.04-07); Đại Nam chính biên liệt truyện (bản dịch). Nxb Văn học, Hà Nội.
- [17]. Sơn Nam, 2014. Đồng bằng sông Cửu Long – nét sinh hoạt xưa & Văn minh Miệt Vườn, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [18]. Trịnh Hoài Đức, 1972. Gia Định thành thông trí (bản dịch Tu Trai Nguyễn Tạo). Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách xuất bản, Sài Gòn.
- [19]. Võ Văn Hải – Phan Bảo Khánh, 2014. Báo cáo khảo sát nghiên cứu di cốt mộ cổ tại thị trấn Chợ Lách, Bến Tre – Tư liệu Bộ môn Khảo cổ học (ĐHKHXH&NV-ĐHQG-HCM).
- [20]. [http://www.chotot.vn/tp\\_ho\\_chi\\_minh/so\\_t\\_hich\\_suu\\_tam/Chen\\_Noi\\_Phu\\_Long\\_Hy\\_T\\_huy\\_Cung\\_Dinh\\_Nguyen\\_Trieu\\_4923302.html](http://www.chotot.vn/tp_ho_chi_minh/so_t_hich_suu_tam/Chen_Noi_Phu_Long_Hy_T_huy_Cung_Dinh_Nguyen_Trieu_4923302.html)
- [21]. [http://www.khoahoc.com.vn/khampha/khao-co-hoc/35392\\_Nhieu-dac-diem-doc-dao-trong-mo-co-Cao-Phuong.aspx](http://www.khoahoc.com.vn/khampha/khao-co-hoc/35392_Nhieu-dac-diem-doc-dao-trong-mo-co-Cao-Phuong.aspx)
- [22]. <http://nld.com.vn/suc-khoe/cay-boi-loi-da-dung-20140125213814767.htm>
- [23]. <http://kienthuc.net.vn/giai-ma/bi-an-hop-chat-huyen-thoai-bao-ve-lang-mo-co-vn-324862.html>
- [24]. [http://vietbao.vn/support/js/view\\_image.html?http://www2.vietbao.vn/images/vn45/khoa-hoc/45172776-dua-nuoc.jpg](http://vietbao.vn/support/js/view_image.html?http://www2.vietbao.vn/images/vn45/khoa-hoc/45172776-dua-nuoc.jpg)
- [25]. <http://www2.vietbao.vn/images/vn45/khoa-hoc/45172776-dua-nuoc.jpg>
- [26]. <https://sites.google.com/site/hoangngonhm/cay-ban>
- [27]. [http://www.lrc-hueuni.edu.vn/dongy/show\\_target.plx?url=/thuocdongy/B/Ban.htm&key=&char=B](http://www.lrc-hueuni.edu.vn/dongy/show_target.plx?url=/thuocdongy/B/Ban.htm&key=&char=B)
- [28]. <http://hodinhhai.blogspot.com/2012/08/rau-rang.html>
- [29]. <http://vi.wikipedia.org/wiki/PH>
- [30]. <http://www.thietbinuoc.com.vn/50-3-17-93/tin-tuc-va-bai-viet-hay/cac-chi-tieu-can-biet-trong-nuoc-sach.html>